TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 05-3-2020.
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Phú

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 785/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thanh H, sinh năm: 1979; nơi cư trú: số nhà 34/8 đường Y, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn C, sinh năm: 1982; hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; nơi tạm trú tại: số nhà 143A đường P, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2019, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thanh H trình bày thì: Bà H và ông Đinh Văn C kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 143A đường P, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng vừa kết hôn thì ông C đi làm ăn xa, lâu lâu mới về nhà. Mỗi khi ông C về thì vợ chồng lại xảy ra cãi vã. Trong khi bà đang mang thai thì ông C thường xuyên

vắng nhà và có nhiều mối quan hệ bất chính và người lạ liên tục đến nhà làm phiền bà, bà phải nhờ Công an phường G, thành phố Đ giải quyết. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông C, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đinh Bảo N, sinh ngày 02/12/2013. Hiện cháu N đang sống với bà H. Ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2020, bị đơn ông Đinh Văn C trình bày thì: ông C thống nhất về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và việc tự nguyện kết hôn giữa ông và H như trình bày của bà H là đúng. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sinh hoạt trong gia đình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên tranh cãi dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2016, vì tuy sống chung một nhà nhưng mạnh ai lấy sống, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng cũng có hàn gắn nhưng không thành. Nay ông C xác định tình cảm với bà H cũng không còn nên cũng yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông C xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đinh Bảo N, sinh ngày 02/12/2013. Do hiện ông đang phải chấp hành án tại trại giam nên ông C đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bản thân ông cũng chưa có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C cũng xác định không có.

Do ông C có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà H và bị đơn ông C đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ là bảo đảm theo quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa bà H và ông C có xảy ra và thực tế đã trầm trọng. Vợ chồng sống đã sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H và ông C đều xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Cho bà H và ông C ly hôn. Đề nghị giao con chung là cháu Đinh Bảo N, sinh ngày 02/12/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con và

hai bên xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H và ông C đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thanh H và ông Đinh Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông cảnh thường đi làm ăn xa, mỗi khi ông C về nhà là vợ chồng lại xảy ra cãi vã do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm và theo bà H trình bày là do ông C có quan hệ tình cảm với người khác. Bà H và ông C đã sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông C là có xảy ra, kéo dài và đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Bị đơn ông C cũng đồng ý ly hôn nhưng do ông C đang chấp hành án và có đề nghị vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được và tại phiên toà hôm nay cả bà H và ông C đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H và ông C ly hôn.

[3] Về con chung: Bà H và ông C có một con chung là cháu Đinh Bảo N, sinh ngày 02/12/2013. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Xét thấy cháu N hiện đang sống với bà H, ông C cũng đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C, bà H đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề cập.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 điều 28, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đỗ Thanh H và ông Đinh Văn C ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đinh Bảo N, sinh ngày 02/12/2013 cho bà Đỗ Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0017043 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lâm Đồng;
-VKSND TP Đà Lạt;
-Chi cục THADS TP Đà Lạt;
-UBND phường I,TP Đà Lạt ;
-Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lệ Quyên